BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 349/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, sau đây gọi chung là dự án).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (bao gồm cả các dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, sau đây gọi chung là dự án nhóm C quy mô nhỏ).

Điều 3. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình mục tiêu;

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ;

c) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phương thức hỗ trợ ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư này (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Các dự án thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của Nhà nước.

4. Các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

5. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

6. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, chủ đầu tư được lựa chọn thực hiện theo quy định về thanh toán, quyết toán đối với chương trình, dự án lồng ghép hoặc áp dụng theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia hoặc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn phù hợp với cơ chế quản lý của Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế của các chương trình, dự án được lồng ghép.

7. Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
PHÂN BỔ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 5. Phân bổ kế hoạch vốn

1. Việc lập kế hoạch, phân bổ chi tiết kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02, mã Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục số 04 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 110/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

4. Việc phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn cho các dự án phải hoàn thành trước 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch. Trường hợp được giao bổ sung kế hoạch, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao kế hoạch bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao kế hoạch theo quy định. Đồng thời với việc phân bổ vốn đầu tư nêu trên, Ủy ban nhân dân các cấp giao chỉ tiêu kế hoạch vốn chi tiết cho các chủ đầu tư để thực hiện.

5. Kiểm tra phân bổ: Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư theo nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn

Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán vốn theo nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Mở tài khoản

1. Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

Điều 8. Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (các

tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

1. Dự án nhóm C quy mô nhỏ

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được lập theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối với dự án thực hiện dự án:

- Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

- Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm, thợ.

2. Dự án không thuộc khoản 1 trên đây

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

b) Đối với dự án thực hiện dự án:

- Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) kèm theo dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có). Hợp đồng giữa chủ đầu tư và cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm, thợ (trường hợp lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng; Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng, mức vốn tạm ứng; bảo lãnh tạm ứng vốn; thu hồi vốn tạm ứng; kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với chi phí quản lý dự án của các dự án quy mô nhỏ thực hiện cơ chế đặc thù, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các nội dung về tạm ứng vốn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn

Để được tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu sau:

a) Dự án nhóm C quy mô nhỏ:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính (trường hợp chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ).

b) Dự án không thuộc điểm a trên đây:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư) đối với trường hợp theo quy định phải bảo lãnh tạm ứng.

Điều 10. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng

a) Nguyên tắc thanh toán: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Hồ sơ thanh toán (đối với tất cả các loại dự án):

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu theo Phụ lục số 01, 02.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng; cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chứng từ chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm và các công việc khác)

a) Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

- Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư); chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03;

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

b) Hồ sơ đối với các trường hợp khác:

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), hồ sơ thanh toán bao gồm: (1) Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Bảng xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Phụ lục số 01.b kèm theo); (3) Hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng); (4) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; (5) Chứng từ chuyển tiền.

Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

- Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

- Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án. Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

3. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước

a) Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán

để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ;

b) Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt đối với trường hợp chỉ định thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Lũy kế số vốn thanh toán cho dự án không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

Điều 11. Quản lý chi phí quản lý dự án

1. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Đối với chi phí quản lý dự án của Ban quản lý xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức chi phí quản lý dự án và nội dung chi phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương nhưng không cao hơn các định mức chi phí theo cơ chế đầu tư thông thường.

Mục 2
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm

Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Điều 13. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành; định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Đối với dự án do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư

a) Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Trường hợp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

c) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

4. Đối với dự án sử dụng cả nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động khác, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định. Việc quyết toán phần vốn huy động khác và tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mục 3
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

Điều 14. Báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh báo cáo theo Thông tư quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

2. Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành: Định kỳ 06 tháng, hàng năm, giữa kỳ trung hạn và cuối kỳ trung hạn, Sở Tài chính báo cáo các Chương trình mục tiêu quốc gia gửi về Bộ Tài chính theo biểu mẫu tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Các Chương trình mục tiêu quốc gia có sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại của các nhà tài trợ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và theo quy định của nhà tài trợ.

Điều 15. Kiểm tra

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tự thực hiện việc kiểm tra trong phạm vi chức năng quản lý.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

Mục 4
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

1. Chủ đầu tư

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện và tuân thủ theo định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc của cấp có thẩm quyền phê duyệt; chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về việc thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn;

c) Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng;

d) Căn cứ các quy định hiện hành của các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Xây dựng, chủ đầu tư mua bảo hiểm đối với các dự án đầu tư;

đ) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu và đảm bảo thu hồi vốn ứng theo đúng quy định;

g) Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư và quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành;

h) Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thỏa đáng trong việc thanh toán vốn.

2. Kho bạc Nhà nước

a) Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ và quy định của Nhà nước;

b) Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định;

c) Có ý kiến bằng văn bản gửi chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc mà chủ đầu tư đề nghị trong việc thanh toán vốn;

d) Kho bạc Nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán căn cứ các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu; không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán. Trường hợp phát hiện quyết định của cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không có trả lời hoặc trả lời thấy chưa phù hợp với quy định phải có văn bản báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý;

đ) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn;

e) Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tạm ứng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích;

g) Về xử phạt vi phạm hành chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

h) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo chế độ quy định;

i) Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án;

k) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của Nhà nước về việc nhận và thanh toán vốn đầu tư.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện, xã

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước;

b) Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định của mình.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành, dự kiến phân bổ vốn đầu tư do địa phương quản lý để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư; chỉ đạo, điều hành các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch giao;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền. Hướng dẫn cơ quan tài chính cấp dưới, chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định;

đ) Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu liên quan đến công tác quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; thực hiện thẩm định dự án, thẩm tra quyết toán các dự án do cấp huyện quản lý để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định;

b) Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước huyện và chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết như điểm đ, khoản 5 Điều này;

c) Được quyền kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước huyện, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 02 năm 2017. Thông tư này thay thế các nội dung quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước của các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tại các Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011; Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12/02/2015 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Phụ lục số 01.a

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm 20... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ngày tháng năm

Chủ đầu tư:

Nhà thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số..... ngày..... tháng.... năm.....

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)				Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số:												

1. Giá trị hợp đồng:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ:..... (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.

Phụ lục số 01.b

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
I	**Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức:**				
	1.....				
	2.....				
II	**Thanh toán trực tiếp cho hộ dân:**				

Ngày... tháng... năm...

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 02

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tên dự án: Mã dự án:
Tên gói thầu:
Hợp đồng số ngày tháng năm Phụ lục bổ sung hợp đồng số ngày tháng năm
Chủ đầu tư:
Nhà thầu:
Thanh toán lần thứ:
Căn cứ xác định:
Biên bản nghiệm thu số..... ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền			Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số:											

1. Tổng giá trị khối lượng phát sinh:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
5. Thanh toán thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
Số tiền bằng chữ:..... (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

Ngày..... tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.

Phụ lục số 03

Chủ đầu tư:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc nhà nước.....

Tên dự án, công trình:..... Mã dự án đầu tư:.....
Chủ đầu tư/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:.....
Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước..... tại:.....
- Vốn ngoài nước..... tại.....
Căn cứ hợp đồng số:... ngày... tháng.. năm... Phụ lục bổ sung hợp đồng số... ngày... tháng... năm...
Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số... ngày... tháng... năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)
Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:..... đồng.
Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán..... đồng.

Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN;....)
Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....
Bằng chữ:.....
.....
Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....
+ Vốn trong nước.....
+ Vốn ngoài nước.....
- Thuế giá trị gia tăng
- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)
- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số).....
+ Vốn trong nước.....
+ Vốn ngoài nước.....
Tên đơn vị thụ hưởng.....
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng..... tại.....

Ngày..... tháng..... năm....

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú:.....
.....
.....

CÁN BỘ THANH TOÁN	TRƯỞNG PHÒNG	GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Phụ lục số 04

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Tên dự án đầu tư: Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Nguồn vốn.....: (Nguồn vốn NSNN,...)

Đơn vị: đồng

Số thứ tự	Nội dung	Tổng mức vốn đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết niên độ năm trước		Thanh toán KLHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm trước	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm trước được tiếp tục thực hiện và thanh toán trong năm 20...				Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư năm 20...				Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm kế hoạch
						Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán			Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Thanh toán			
							Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số	Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chưa quyết toán				Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi trong năm			Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi trong năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=4+8+12
1	**Số liệu của chủ đầu tư:**													
	Dự án....													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													
2	**Số liệu của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch:**													
	Dự án....													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													
3	**Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:**													
	Dự án....													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													

Ghi chú: - Cột số 4 "Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước" không bao gồm số vốn đã thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ứng trước

- Cột số 7 "Kế hoạch vốn được kéo dài": đề nghị chỉ ghi phần vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm 20...

..., ngày... tháng... năm 20...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm 20...
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 05
HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO BAN QUẢN LÝ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

1. Biểu mẫu số 01/QTDA:

- Điểm 1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan:

Cột (2) tên văn bản: ghi theo trình tự thời gian của các văn bản liên quan đến toàn bộ quá trình, giai đoạn đầu tư của dự án, từ chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định phê duyệt thiết kế dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), Quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có), hồ sơ quyết toán hợp đồng, biên bản nghiệm thu; báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có); kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước và các hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra quyết toán.

- Điểm 2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

+ Cột (2) tên các nguồn vốn: ghi tất cả những nguồn vốn tham gia đầu tư vào dự án (nguồn nào không có thì không ghi);

+ Cột (3) ghi theo số liệu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

+ Cột (4) nguồn vốn đã thực hiện: ghi theo số liệu của bảng đối chiếu số liệu sử dụng nguồn vốn đầu tư (theo biểu mẫu số 02/QTDA).

+ Cột (5) chênh lệch tăng, giảm: Số chênh lệch được tính = Cột (4) - Cột (3).

- Điểm 3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: là tổng cộng toàn bộ các chi phí của dự án đầu tư sau khi Chủ đầu tư đối chiếu, rà soát tất cả các bản quyết toán với từng nhà thầu tham gia thực hiện dự án đầu tư;

Vốn đầu tư đề nghị quyết toán được phân theo cơ cấu: xây dựng, thiết bị, chi phí khác để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điểm 4: ghi giá trị chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản;

- Điểm 5: ghi tổng giá trị tài sản cố định được hình thành qua đầu tư;

- Điểm 6: ghi tổng giá trị tài sản lưu động (nếu có) của dự án đầu tư;

- Điểm 7: Tình hình thanh toán và công nợ của dự án

Ghi chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị thực hiện tương ứng với từng nội dung công việc, hợp đồng thực hiện.

Số phải trả = Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán - Đã thanh toán, tạm ứng

Số phải thu = Giá trị đã thanh toán, tạm ứng - Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán

Tài sản cố định và Tài sản lưu động được phân loại theo quy định hiện hành.

- Điểm 8: thuyết minh ngắn gọn, ghi các ý kiến nhận xét và những kiến nghị quan trọng.

2. Biểu mẫu số 02/QTDA:

- Điểm 1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán: tổng hợp toàn bộ số vốn đã thanh toán cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án tính đến ngày bàn giao, khoá sổ để lập báo cáo quyết toán.

+ Cột (3) do Chủ đầu tư ghi.

+ Cột (4) do Kho bạc Nhà nước (nơi Chủ đầu tư mở tài khoản) ghi (yêu cầu ghi đúng số vốn đã thanh toán cho dự án đầu tư trên sổ sách theo dõi).

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÃ .....

Biểu mẫu số: 01/QTDA
(Kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC HOÀN THÀNH

Tên dự án đầu tư:

1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu có liên quan:

SỐ TT	TÊN VĂN BẢN	KÝ HIỆU, NGÀY THÁNG NĂM BAN HÀNH	CƠ QUAN BAN HÀNH	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT (NẾU CÓ)	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1					
2					
...					

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng.

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	NGUỒN VỐN THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	NGUỒN VỐN ĐÃ THỰC HIỆN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI ĐƯỢC DUYỆT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
1	Ngân sách trung ương			
2	Trái phiếu Chính phủ			
3	Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ			
	Tổng cộng 1+2+3			

3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	TĂNG, GIẢM SO VỚI DỰ TOÁN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			
2	Chi phí xây dựng			
3	Chi phí thiết bị			
4	Chi phí quản lý dự án			
5	Chi phí tư vấn			
6	Chi phí khác			
	Tổng cộng			

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Giá trị tài sản cố định mới tăng:

6. Giá trị tài sản lưu động bàn giao:

7. Tình hình thanh toán và công nợ của dự án (Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị tính: đồng.

STT	TÊN CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC, HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ ĐƯỢC A-B CHẤP NHẬN THANH TOÁN	ĐÃ THANH TOÁN, TẠM ỨNG	CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN	
					PHẢI TRẢ	PHẢI THU
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
3						
...						
	Tổng cộng					

8. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị:

..., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**	**CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Biểu mẫu số 02/QTDA
(Kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã:

Tên dự án đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	SỐ LIỆU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	SỐ LIỆU CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN	CHÊNH LỆCH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	Ngân sách trung ương			
2	Trái phiếu Chính phủ			
3	Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ			
	Tổng cộng 1+2+3			

2. Nhận xét, kiến nghị: Ý kiến nhận xét, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan quản lý, thanh toán vốn đầu tư; nêu những nguyên nhân chênh lệch và kiến nghị xử lý (nếu có):

..., ngày... tháng... năm...
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

KẾ TOÁN	ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

..., ngày... tháng... năm....
CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN

KIỂM SOÁT, THANH TOÁN	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*